

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRẦN NGỌC SƠN

PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN
TẠI HUYỆN QUẢNG TRẠCH –
TỈNH QUẢNG BÌNH

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

Mã số : 60.31.05

TÓM TẮT
LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2014

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. NINH THỊ THU THỦY**

Phản biện 1: TS. TRẦN PHƯỚC TRỮ

Phản biện 2: PGS.TS MAI VĂN XUÂN

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 23 tháng 02 năm 2014

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thông tin - học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất cơ bản giữ vai trò to lớn trong việc phát triển kinh tế ở hầu hết cả nước, nhất là ở các nước đang phát triển, đây là khu vực sản xuất chủ yếu, đảm bảo việc làm và đời sống của một bộ phận lớn dân cư trong xã hội, là thị trường rộng lớn của nền kinh tế, sản xuất ra lương thực, thực phẩm nuôi sống con người, là ngành cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và cho xuất khẩu, là nhân tố góp phần thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế, gắn thị trường trong nước với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Ở Việt Nam, với với gần 80% dân số ở khu vực nông thôn, phát triển kinh tế hộ nông dân được xem là yếu tố quan trọng nhất đảm bảo cho sự phát triển bền vững của quốc gia, có vai trò, vị trí rất to lớn, là chủ thể quan trọng trong đổi mới nông thôn trong giai đoạn hiện nay của đất nước. Sự phát triển kinh tế hộ nông dân phản ánh một phần thực trạng phát triển kinh tế của Việt Nam, tác động trực tiếp đến tình hình an ninh, chính trị, xã hội trên địa bàn nông thôn và cả nước.

Quảng Trạch là một huyện lớn ở phía Bắc của tỉnh Quảng Bình, nơi có hai con sông chính là sông Gianh và sông Ròn cùng hệ thống sông suối chằng chịt có khả năng cung cấp nguồn nước và nuôi trồng thủy hải sản. Đây là một địa bàn có điều kiện tự nhiên ưu đãi, lực lượng lao động dồi dào, tuy nhiên kinh tế hộ ở đây còn kém phát triển, đời sống của một bộ phận lớn dân cư còn gặp rất nhiều khó khăn, nhiều tiềm năng về nông nghiệp chưa được khai thác, các xã cũng như hộ nông dân thuộc diện đói nghèo còn nhiều... Do đó, vấn đề cấp thiết là tìm ra nguyên nhân và có các giải pháp nhằm phát triển kinh tế hộ nông dân theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa,

hợp tác hóa, dân chủ hóa theo các Nghị quyết Đảng và chính sách Nhà nước đã đề ra.

Xuất phát từ đó tôi lựa chọn đề tài: "***Phát triển kinh tế hộ nông dân tại huyện Quảng Trạch tỉnh Quảng Bình***" nhằm góp phần giải quyết những khó khăn, khắc phục tồn tại và thúc đẩy kinh tế hộ nông dân phát triển.

2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Kinh tế hộ nông dân huyện Quảng Trạch
- Phạm vi nghiên cứu:
 - + Không gian: Huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình
 - + Thời gian: phân tích số liệu giai đoạn năm 2010-2012.

4. Phương pháp nghiên cứu

Vận dụng các phương pháp nghiên cứu kinh tế gồm phương pháp thu thập số liệu, phân tích số liệu, điều tra chọn mẫu và một số công cụ dùng để xử lý và phân tích thông tin. Số liệu chủ yếu được thu thập từ phòng Thống kê huyện Quảng Trạch, Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Quảng Trạch và Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Quảng Trạch. Ngoài ra, đề tài sử dụng phương pháp điều tra 163 hộ tại 3 xã Quảng Phú, Quảng Thuận, Quảng Châu đại diện cho 3 vùng miền núi, vùng biển và vùng đồng bằng trung du. Từ đó tổng hợp, phân tích, nghiên cứu và đề xuất những giải pháp phát triển kinh tế hộ tại huyện Quảng Trạch.

5. Bố cục đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, nội dung chính luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về phát triển kinh tế hộ nông dân

Chương 2: Thực trạng phát triển kinh tế hộ nông dân tại huyện Quảng Trạch trong thời gian qua.

Chương 3: Giải pháp phát triển kinh tế hộ nông dân ở huyện Quảng Trạch trong thời gian tới.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN

1.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN

1.1.1. Khái niệm kinh tế hộ nông dân

a. Khái niệm hộ

Hộ là tất cả những người sống chung trong một ngôi nhà và nhóm người đó có cùng chung huyết tộc và người làm công, người cùng ăn chung, làm chung và cùng có chung một ngân quỹ.

b. Khái niệm hộ nông dân

Hộ nông dân là hộ gia đình mà hoạt động sản xuất chủ yếu của họ là nông nghiệp. Ngoài các hoạt động nông nghiệp, hộ nông dân còn có thể tiến hành thêm các hoạt động khác, tuy nhiên đó chỉ là các hoạt động phụ.

c. Khái niệm kinh tế hộ nông dân

Kinh tế hộ nông dân là tế bào kinh tế, xã hội được hình thành trên cơ sở các mối quan hệ hôn nhân, huyết thống, phong tục, tâm linh, tâm lý, đạo đức. Là hình thức tổ chức kinh tế cơ sở của nông dân và nông thôn.

Kinh tế hộ là loại hình kinh tế trong đó các hoạt động sản xuất chủ yếu dựa vào lao động gia đình và mục đích của loại hình kinh tế này trước hết nhằm đáp ứng nhu cầu của hộ gia đình.

1.1.2. Đặc điểm của kinh tế hộ nông dân

1.1.3. Vai trò của kinh tế hộ nông dân

Cung cấp lương thực, thực phẩm phục vụ đời sống con người;

Tích tụ vốn của xã hội, cùng với các đơn vị khác trong thành phần kinh tế tạo nên một tổng thể các nguồn vốn của xã hội;

Tạo công ăn việc làm cho người lao động.

Thực hiện phân công lao động theo đơn vị kinh tế hộ nông dân;

Luôn phát triển và đổi mới về mặt kỹ thuật sản xuất để phù hợp với yêu cầu của thị trường;

Góp phần quan trọng trong việc giữ gìn và làm sạch môi trường sinh thái.

1.2. NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN

1.2.1. Phát triển về quy mô sản xuất của hộ nông dân

a. Phát triển quy mô đất đai của nông hộ

b. Phát triển quy mô lao động kinh tế hộ

c. Phát triển quy mô vốn

1.2.2. Nâng cao trình độ lực lượng sản xuất của hộ nông dân

a. Nâng cao trình độ của người lao động

b. Nâng cao trình độ của tư liệu lao động

1.2.3. Mở rộng thị trường tiêu thụ

1.2.4. Nâng cao thu nhập, đời sống và tích lũy của hộ nông dân

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN

1.3.1. Điều kiện tự nhiên

1.3.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

1.3.3. Các chính sách của nhà nước

1.4. KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN TRÊN THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC

1.4.1. Mô hình kinh tế nông trại gia đình tại Hà Lan

Hà Lan là một đất nước nhỏ, phải hứng chịu thiên nhiên

khắc nghiệt, đất ít và trũng, có nhiều vùng thấp hơn mực nước biển nên thường xuyên bị ngập lụt. Tuy nhiên, Hà Lan đã xây dựng được một nước nông nghiệp có sức cạnh tranh cao, phát triển bền vững. Với quỹ đất ít, Hà Lan áp dụng công nghệ "tăng diện tích đất", tập trung áp dụng các biện pháp thâm canh cao, nâng cao năng suất trên đơn vị diện tích, tạo ra năng suất cao gấp nhiều lần năng suất bình quân thế giới. Hà Lan dựa vào hợp tác xã để liên kết các trang trại nhỏ bé, phân tán nhằm nâng cao hiệu suất của toàn hệ thống kinh tế.

1.4.2. Mô hình kinh tế nông trại gia đình tại Pháp

Khác với Hà Lan, Pháp có nhiều vùng đất rộng rãi, màu mỡ thuận lợi cho nông nghiệp phát triển. Trong tổng số hơn 550.00 km² đất tự nhiên, diện tích đất dành cho nông, lâm nghiệp của Pháp chiếm gần 82%.

Tại Pháp, sản xuất chủ yếu theo mô hình nông nghiệp hữu cơ hoàn toàn không sử dụng phân bón tổng hợp, thuốc trừ sâu, các chất điều tiết tăng trưởng và các chất phụ gia trong thức ăn gia súc. Số lượng các trang trại chăn nuôi theo mô hình hữu cơ ngày càng tăng do lợi nhuận mang lại ngày càng lớn cho nông dân.

1.4.3. Kinh tế hộ gia đình ở nước ta trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Ngày nay, kinh tế hộ được nhà nước ta quan tâm đầu tư khoa học kỹ thuật, cải tiến giống cây trồng, nâng cao năng suất và chất lượng sản xuất. Đặc biệt, Nhà nước đã có chính sách hỗ trợ vốn đầu tư tư các loại máy móc, thiết bị giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản. Với những chính sách đầu tư thỏa đáng, nền kinh tế nông hộ ở nước ta đã có những chuyển biến tích cực.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN TẠI HUYỆN QUẢNG TRẠCH TRONG THỜI GIAN QUA

2.1. TỔNG QUAN VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA HUYỆN QUẢNG TRẠCH

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

2.2. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN TẠI HUYỆN QUẢNG TRẠCH

2.2.1. Thực trạng phát triển về quy mô sản xuất của hộ nông dân

a. Quy mô về đất đai của nông hộ

Sự biến động về đất sản xuất nông nghiệp được thể hiện cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2.2: Biến động quỹ đất sản xuất nông nghiệp năm 2012

Nội dung	Diện tích năm 2011 (ha)	Diện tích năm 2012 (ha)	Biến động	
			Giá trị (ha)	%
Tổng đất sản xuất nông nghiệp	9.344,50	11.117,20	1.772,7	19,0
1. Đất trồng cây hàng năm	8.836,1	10.161,8	1.325,7	15,0
- Đất trồng lúa	5.967,2	6.492,5	525,3	8,8
- Đất trồng cây hàng năm khác	2.868,9	3.669,3	800,4	27,9
2. Đất trồng cây lâu năm	508,4	955,4	447,0	87,9

(Nguồn từ niên giám thống kê huyện Quảng Trạch năm 2012)

b. Quy mô lao động của nông hộ

Theo số liệu bảng 2.4 ta thấy: số lượng lao động trong ngành nông, lâm, thủy sản ngày càng tăng. Tuy nhiên, xét về lao động bình

quân trên một đơn vị diện tích thì có sự biến động và không ổn định. Năm 2010, cứ trung bình 1 ha diện tích đất nông nghiệp thì có 1,47 lao động, con số này của năm 2011 là 1,48 người (tăng so với năm 2010) và năm 2012 là 1,45 người (giảm so với năm 2010 và năm 2011).

Bảng 2.4: Quy mô lao động trong ngành nông, lâm, thủy sản

ST T	Nội dung	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
01	Số lao động (người)	66.382	66.473	66.946
02	Diện tích đất nông nghiệp (ha)	45.237,5	45.006,9	46.278,7
03	Lao động bình quân trên 1 ha	1,47	1,48	1,45

(Nguồn từ niên giám thống kê huyện Quảng Trạch năm 2012)

c. Quy mô về vốn

Có nhiều nguồn vốn vay khác nhau nhằm đáp ứng nhu cầu của các nông hộ nhưng qua điều tra cho thấy nguồn vốn vay thông dụng và được các nông hộ quan tâm nhất hiện nay là vốn vay của Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện Quảng Trạch. Qua số liệu bảng 2.5 ta thấy dư nợ tín dụng của Ngân hàng chính sách qua các năm đều tăng, tuy nhiên tốc độ tăng không đồng đều giữa các năm và giữa các xã. Cụ thể, năm 2011, dư nợ tín dụng của xã Quảng Thuận tăng 2.682 triệu đồng tương ứng với 35,15% so với năm 2010. Sang năm 2012 dư nợ tín dụng của xã Quảng Thuận có tăng so với năm 2011 tuy nhiên tốc độ tăng chậm lại. Ở xã Quảng Phú cũng vậy, năm 2011 dư nợ vay tại ngân hàng chính sách tăng 3.070 triệu đồng tương ứng với 27,16%, năm 2012 tăng 2.105 triệu đồng tương ứng với 14,65%.

Bảng 2.5: Dư nợ tín dụng của Ngân hàng chính sách tại 3 xã điều tra

Tên xã	Dư nợ tín dụng			So sánh			
	Năm 2010 (triệu đồng)	Năm 2011 (triệu đồng)	Năm 2012 (triệu đồng)	2011/2010		2012/2011	
				Giá trị (triệu đồng)	%	Giá trị (triệu đồng)	%
Quảng Thuận	7.630	10.312	11.020	2.682	35,15	708	6,87
Quảng Phú	11.303	14.373	16.478	3.070	27,16	2.105	14,65
Quảng Châu	11.585	14.333	15.343	2.748	23,72	1.010	7,05

(Nguồn từ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Quảng Trạch)

2.2.2. Thực trạng trình độ sản xuất của hộ nông dân

a. Trình độ của người lao động

Trong thời gian vừa qua, phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Quảng Trạch đã phối hợp với Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn tỉnh Quảng Bình và Sở Lao động & Thương binh Xã hội tỉnh Quảng Bình triển khai đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn (gọi tắt là đề án 1956). Nhìn chung, sau gần 4 năm triển khai đề án, toàn huyện Quảng Trạch đã đào tạo được 45 lớp, số học viên tham gia gần 1,5 nghìn người, bước đầu đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong các cấp, các ngành và người lao động. Tuy nhiên, công tác dạy nghề cho lao động nông thôn mới chủ yếu tập trung vào các mô hình thí điểm; còn tình trạng đào tạo nghề chưa phù hợp với nhu cầu, điều kiện người học; đặc biệt là chưa gắn với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp.

b. Trình độ của tư liệu lao động

Số lượng máy móc nông nghiệp của 3 xã được các nông hộ đầu tư rất phong phú. Tại xã Quảng Châu, trong 50 hộ điều tra đã có

đến 4 hộ có máy cày, như vậy cứ 13 hộ sản xuất thì có một máy cày phục vụ. Tại xã Quảng Phú, Quảng Thuận tỷ lệ hộ có máy cày cũng khá cao, cứ 18-20 hộ có một máy cày.

Đối với máy phay, máy lòng, máy tuốt lúa, máy xay xát, máy nghiền thức ăn cũng được các xã đầu tư rất đồng bộ.

2.2.3. Thực trạng thị trường tiêu thụ nông sản tại Quảng Trạch

Thị trường tiêu thụ nông sản của huyện Quảng Trạch dưới tác động của nền kinh tế thị trường đã phát huy được vai trò tích cực và có những thành quả nhất định. Hiện nay, người nông dân được tiếp cận thường xuyên với công nghệ thông tin và truyền thông nên họ đã nắm bắt được tình hình tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước, từ đó định hướng cho những sản phẩm nông sản của mình. Tuy vậy thị trường nông sản còn mang tính chất nhỏ lẻ và tự phát.

2.2.4. Thực trạng thu nhập, đời sống và tích lũy của hộ nông dân

a. Thu nhập của hộ nông dân

Bảng 2.11: Giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp theo giá hiện hành

Năm	Tổng số	Chia ra					
		Trồng trọt		Chăn nuôi		Dịch vụ nông nghiệp	
		Giá trị (triệu đồng)	Cơ cấu (%)	Giá trị (triệu đồng)	Cơ cấu (%)	Giá trị (triệu đồng)	Cơ cấu (%)
2010	726.465	404.210	55,6	318.456	43,8	3.799	0,5
2011	1.061.479	552.498	52,0	501.265	47,2	7.716	0,7
2012	1.092.002	550.846	50,4	529.977	48,5	11.179	1,0

(Nguồn từ niên giám thống kê huyện Quảng Trạch năm 2012)

Trong những năm qua sự chuyển dịch cơ cấu ngành sản xuất nông nghiệp của huyện đã có những bước phát triển theo đúng quy

luật khách quan của nó. Năng suất ngành trồng trọt ngày càng tăng tuy nhiên cơ cấu ngành trồng trọt ngày càng giảm so với cơ cấu ngành chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp.

b. Đời sống và sinh hoạt của các nông hộ

Qua điều tra 163 hộ tại 3 xã Quảng Phú, Quảng Thuận, Quảng Châu cho thấy 100% số hộ có tivi, điện thoại di động, có hộ còn có từ 2 đến 3 xe máy, số lượng điện thoại cũng tăng, từ học sinh cấp 3 đến người già đều biết sử dụng điện thoại di động. Một thiết bị làm mát đó là tủ lạnh cũng được các nông hộ sử dụng rất nhiều, ở xã Quảng Thuận điều tra có 60 hộ thì có 44 hộ sử dụng tủ lạnh, chiếm tỷ lệ 73,3%, ở xã Quảng Phú chiếm tỷ lệ 35,8%, xã Quảng Châu chiếm 30%. Đây là một dấu hiệu lạc quan chứng tỏ mức sống của các nông hộ ngày càng được nâng cao, người dân ngày càng chú trọng đến đời sống vật chất và tinh thần của mình.

c. Mức tích lũy của các nông hộ

- Ở xã Quảng Châu: có 49/50 hộ điều tra không khai báo số tích lũy của nông hộ, chỉ có một hộ khai báo tích lũy được 15 triệu đồng. Lý do các hộ này đưa ra là nguồn vốn của họ không đủ để sản xuất, do đó họ luôn quay vòng vốn để đầu tư cho chăn nuôi vì vậy mà họ không có nhu cầu gửi tiết kiệm. Một số khác thì cho rằng sản xuất nông nghiệp không mang lại hiệu quả cao, họ chỉ đáp ứng được nhu cầu hằng ngày của hộ chứ không tích lũy.

- Ở xã Quảng Thuận: qua điều tra 60 nông hộ thì có 19/60 hộ có nhà kiên cố chiếm 31,7%, có 38/60 nhà bán kiên cố chiếm 63,3 % và 3/60 nhà tạm chiếm 5% số hộ. Về tích lũy vốn ở xã hầu như không có.

- Ở xã Quảng Phú: trong 53 nông hộ điều tra có 10 hộ có nhà kiên cố, 41 hộ có nhà bán kiên cố và 2 hộ có nhà tạm. Tuy nhiên một số nông hộ ở xã này đã tích lũy được số vốn khá lớn, có hộ tích lũy

được 75 triệu đồng. Tổng mức tích lũy của 53 hộ (bao gồm tiền mặt và sổ tiết kiệm) là: 397,2 triệu đồng. Mức tích lũy trung bình là 7,5 triệu đồng/hộ. So với mức sống hiện nay thì mức tích lũy này còn thấp và sự tích lũy không đồng đều, chỉ tập trung ở một số nông hộ.

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN Ở HUYỆN QUẢNG TRẠCH

2.3.1. Kết quả đạt được

Trong bối cảnh chung của cả nước, cả tỉnh còn nhiều khó khăn, thách thức. Huyện ủy, HĐND và UBND huyện đã ban hành nhiều chủ trương, biện pháp tích cực để chỉ đạo quyết liệt các ngành, các cấp và các địa phương từng bước triển khai thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội hằng năm. Đặc biệt là những giải pháp đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, góp phần quan trọng tạo sự chuyển biến tích cực trong kinh tế xã hội. Chính vì vậy ngành sản xuất nông nghiệp cũng đã đạt được những kết quả thành công nhất định.

- Về quy mô sản xuất: nhờ chính sách giao đất, giao rừng của Nhà nước, các nông hộ đã tập trung phát triển quy mô đất đai, thực hiện các biện pháp luân canh, xen canh, tăng vụ nên diện tích cây trồng trong năm đã tăng lên đáng kể. Vừa qua, thực hiện chính sách cho vay đối với các hộ nghèo, cận nghèo hỗ trợ vốn để sản xuất của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Quảng Trạch, nhiều nông hộ đã tiếp cận được nguồn vốn ưu đãi này nên đã mở rộng sản xuất, đặc biệt là chính sách cho vay chăn nuôi bò của Ngân hàng đã phát huy có hiệu quả. Đối với lực lượng lao động trong ngành nông nghiệp hằng năm cũng được bổ sung, tuy nhiên cơ cấu lao động của ngành nông nghiệp trong cơ cấu lao động của nền kinh tế giảm, đây cũng là một quy luật tất yếu khách quan phù hợp với xu thế của thời đại.

- Về trình độ sản xuất của nông hộ: Được sự quan tâm của Nhà nước trong việc hỗ trợ kinh phí đào tạo phát triển nghề cho nông nghiệp nông thôn và các chính sách xây dựng nông thôn mới vì vậy trình độ của các nông hộ ở đây ngày càng được nâng cao. Cùng với việc không ngừng nâng cao trình độ học vấn, các nông hộ cũng đã thâm nhập nhíp nhàng vào thời đại công nghệ thông tin, áp dụng những tiến bộ khoa học vào thực tiễn sản xuất.

- Về thị trường tiêu thụ: hầu hết các nông hộ đã sử dụng điện thoại di động, mọi nhà đều có tivi xem vô tuyến nên họ nắm bắt dễ dàng với những sự biến động về giá cả thị trường. Tuy nhiên chỉ một ít trong số họ biết phát triển theo hướng thị trường hàng hóa, một số vẫn còn thụ động trong việc tiêu thụ sản phẩm vì vậy thị trường nông sản đang còn mang tính chất nhỏ lẻ. Một trong những đặc trưng quan trọng của kinh tế nông hộ ảnh hưởng đến thị trường tiêu thụ đó là tính tự cung tự cấp của sản phẩm, hàng hóa làm ra sau khi đã phục vụ đủ nhu cầu tiêu dùng hằng ngày thì các nông hộ mới đem đi bán, vì vậy nếu hộ nào không chuyên canh thì khó để tiêu thụ với số lượng lớn, chính vì điều này làm cho thị trường tiêu thụ sản phẩm nông sản ở nông thôn kém sôi động.

- Về thu nhập, đời sống và tích lũy của các nông hộ: cùng với sự phát triển của nền kinh tế nói chung, kinh tế nông hộ ngày một được nâng cao, đời sống vật chất và tinh thần của nông hộ ngày càng được cải thiện. Tuy nhiên, đời sống hộ nông dân còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo đang còn nhiều.

2.3.2. Tồn tại, hạn chế

- Về quy mô sản xuất: một trong những tồn tại hiện nay ở hầu hết các xã của huyện Quảng Trạch là diện tích đất của các nông hộ còn manh mún rất khó để phát triển chuyên canh hoặc phát triển kinh

tế trang trại, chuyển dịch cơ cấu cây trồng chậm, chưa tạo ra được nhiều mô hình có thu nhập cao. Nguồn vốn sản xuất chưa đáp ứng được nhu cầu vốn của nông hộ, đa số các hộ điều tra đều có nguyện vọng vay thêm vốn để đầu tư vào sản xuất. Cơ sở hạ tầng nông thôn chưa đồng bộ, nhiều xã tỷ lệ hộ nghèo còn khá cao tạo nên dòng di dân tự do, làm giảm nguồn lao động của kinh tế hộ, nhất là những lao động có đam mê và hoài bão lớn.

- Về trình độ sản xuất: Các giải pháp nâng cao trình độ sản xuất chỉ mới tập trung về lượng, chưa chú trọng về chất và chưa nâng cao chiều sâu nên khi áp dụng vào thực tiễn chưa hiệu quả.

- Về thị trường tiêu thụ: tại trung tâm huyện chưa có các xí nghiệp chế biến nông sản, cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn chưa phát triển nên việc tiêu thụ sản phẩm gặp nhiều khó khăn.

- Về thu nhập, đời sống và tích lũy của các nông hộ: nhìn chung đời sống của các nông hộ còn khó khăn, về cơ bản chỉ mới đáp ứng một phần của đời sống vật chất, chưa đảm bảo đủ đời sống tinh thần cho các nông hộ. Tích lũy của các nông hộ còn hạn chế.

2.3.3. Nguyên nhân

a. Nguyên nhân khách quan

- Biến động của giá cả, tình hình lạm phát ảnh hưởng đến giá đầu vào của sản xuất nông hộ.

- Do kinh tế hộ ảnh hưởng rất lớn đến điều kiện tự nhiên, đặc biệt là thiên tai, bảo lụt và dịch bệnh.

b. Nguyên nhân chủ quan

- Việc triển khai kế hoạch chưa đồng bộ và thiếu những giải pháp tích cực để thực hiện.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số ngành cấp, ngành, địa phương chưa kịp thời.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN TẠI HUYỆN QUẢNG TRẠCH TRONG THỜI GIAN TỚI

3.1. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN Ở HUYỆN QUẢNG TRẠCH

3.1.1. Quan điểm

3.1.2. Định hướng

3.1.3. Mục tiêu

a. Mục tiêu tổng quát

b. Mục tiêu cụ thể

3.2. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN Ở HUYỆN QUẢNG TRẠCH

3.2.1. Hoàn thiện các chính sách phát triển kinh tế hộ

a. Chính sách bảo hiểm

Huyện Quảng Trạch là huyện nằm ở khu vực miền trung của đất nước, nơi có thiên tai và dịch bệnh xảy ra liên tục ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất cũng như tài sản của các nông hộ, vì vậy cần có một sự bảo đảm cho thành quả và công sức lao động của nông hộ. Chính vì vậy, các cấp các ngành cần phối hợp với các cơ quan bảo hiểm, giới thiệu các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp và công dụng của nó đến các nông hộ để họ nhận thức được tầm quan trọng của việc mua bảo hiểm cho sản phẩm của mình. Từ đó, các nông hộ cũng mạnh dạn đầu tư vào sản xuất mở rộng thị trường vì họ tin chắc rằng nguy cơ rủi ro đã được các cơ quan bảo hiểm bảo đảm.

b. Chính sách về quản lý và sử dụng đất nông nghiệp

Đa số đất sản xuất nông nghiệp ở các xã của huyện Quảng Trạch đều mạnh mún làm cho năng suất lao động tụt hậu. Xã cũng cần giúp đỡ và tạo điều kiện về pháp lý để các hộ nông dân có thể

chuyển đổi và chuyển nhượng ruộng đất của mình được dễ dàng ít tốn kém bảo đảm tính pháp lý về quyền sử dụng đất cho những người đã nhận đất chuyển đổi để họ yên tâm chuyển đổi, chuyển nhượng và sản xuất. Ủy ban nhân dân huyện cần có chủ trương về vấn đề chuyển nhượng đất nông nghiệp đến từng thôn, xã, tuyên truyền cho người nông dân biết được tác dụng của việc chuyển đổi đồng thời hoạch định cho người nông dân biết được hiệu quả của sản xuất nông nghiệp sau khi chuyển đổi.

Để quá trình tích tụ, tập trung đất đai được thành công, Nhà nước cần có những quy hoạch rõ ràng, cần phải gắn với điều kiện cụ thể của từng xã, tìm những loại cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện thời tiết, khí hậu của vùng, xác định được thị trường đầu vào và đầu ra hợp lý thì mới khuyến khích được người dân tham gia chuyển đổi. Ngoài ra quá trình chuyển đổi đất cần phải thực hiện một cách công bằng, bền vững và hiệu quả.

c. Chính sách phát triển quy mô đất sản xuất nông nghiệp

Để phát triển quy mô đất nông nghiệp, Nhà nước cần đưa ra những chính sách ưu đãi để khuyến khích người dân khai hoang, phục hóa nhằm phát triển mở rộng diện tích, nhất là diện tích trồng cây lâu năm vì hiện nay tỷ trọng diện tích đất trồng cây lâu năm rất thấp. Về lâu dài cây lâu năm mang lại hiệu quả kinh tế cao nhưng đòi hỏi người nông dân phải tập trung vốn để đầu tư dài hạn.

3.2.2. Giải pháp phát triển quy mô kinh tế hộ

a. Giải pháp về đất đai

** Biện pháp cải tạo nâng cao chất lượng của đất*

- Đối với những vùng đất sản xuất lâu năm, những vùng đất xấu, đất bạc màu, đất thoái hoá cần sớm cải tạo vì những loại đất này bị mất tầng canh tác, nghèo kiệt dinh dưỡng, đặc biệt là nghèo chất

hữu cơ, bị khô hạn, chai cứng hoặc bị ngập úng nước, bị chua hoá, mặn hoá... do vậy mà hiệu quả sản xuất thu được không cao. Phòng Nông nghiệp của huyện cần phối hợp với các cơ quan chức năng để phổ biến kỹ thuật cải tạo đất xấu, kỹ thuật bón phân để tăng độ phì nhiêu cho đất.

** Biện pháp sử dụng đất*

Cần có chủ trương khuyến khích bà con luân canh, xen canh tăng vụ nhằm tận dụng tiềm năng của đất mà không ảnh hưởng đến năng suất của các loại cây trồng. Việc luân canh tăng vụ làm tăng quy mô sử dụng đất sản xuất, đây là một biện pháp rất tốt để phát triển đất nông nghiệp. Luân canh xen canh phù hợp, đúng kỹ thuật còn có tác dụng tích cực trong việc cải tạo đất bạc màu vì nếu trồng xen những loại cây như khoai, lạc, đậu đỏ ... chúng sẽ tăng khả năng ổn định đạm, giúp cải tạo độ phì nhiêu của đất. Có nhiều mô hình xen canh, luân canh mang lại lợi ích kinh tế rất cao như: trồng ngô luân canh với cây đậu, trồng lạc xen sắn trên đất dốc.

b. Giải pháp phát triển quy mô lao động

** Đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp để thu hút nguồn lao động*

Thực tế ở huyện Quảng Trạch nói riêng và xu hướng cả nước nói chung cho thấy, đa số người dân muốn phấn đấu học tập, nâng cao trình độ để có công việc với thu nhập ổn định và thoát khỏi nghề sản xuất nông nghiệp, nghề được coi là truyền thống lâu đời của dân tộc ta. Bởi ngành sản xuất nông nghiệp nước ta còn lạc hậu, thu nhập và đời sống còn thấp, đang sử dụng phần lớn sức người để sản xuất nên công việc rất vất vả. Để phát triển quy mô lao động của ngành nông nghiệp Nhà nước cần đầu tư nhiều vào lĩnh vực này, nhất là những lĩnh vực có triển vọng cao như kinh tế trang trại để làm thay đổi quan niệm và làm tăng nhu cầu lao động ở khu vực này.

** Đầu tư vào cơ sở hạ tầng, xây dựng nông thôn mới để giảm dòng di dân tự do*

Khi cơ sở hạ tầng giao thông ở nông thôn phát triển sẽ tăng khả năng giao lưu hàng hoá giữa các vùng miền, kích thích kinh tế hộ nông dân phát triển, làm thay đổi bộ mặt nông thôn, từ đó thu nhập của các hộ nông dân cũng tăng, đời sống nông dân được nâng lên, thực hiện mục tiêu xoá đói, giảm nghèo ở nông thôn. Cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn phát triển sẽ tạo điều kiện tổ chức đời sống xã hội trên địa bàn, tạo một cuộc sống tốt hơn cho nông dân, nhờ đó mà giảm được dòng di dân tự do từ nông thôn ra thành thị, góp phần tăng quy mô lao động trong lĩnh vực nông nghiệp.

** Hình thành các vùng sản xuất tập trung*

Nhà nước cần quy hoạch các vùng sản xuất tập trung để tạo điều kiện cho các nông hộ mở rộng đầu tư vào nông nghiệp, nhất là các trang trại và mô hình sản xuất có quy mô lớn. Khi các vùng sản xuất tập trung của huyện được hình thành, đi vào hoạt động sẽ tạo công ăn việc làm cho nhiều lao động địa phương, góp phần đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo ra nhiều sản phẩm nông sản, đáp ứng tốt nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

c. Giải pháp về vốn

** Hỗ trợ lãi suất cho vay sản xuất nông nghiệp*

Trong những năm gần đây tình hình biến động lãi suất khá phức tạp, nhất là năm 2010 đến năm 2012 lãi suất vay tại Ngân hàng thương mại rất cao nên các nông hộ còn e ngại trong việc vay vốn để đầu tư sản xuất vì họ thấy rằng hằng tháng phải bỏ ra một chi phí khá lớn để trả chi phí lãi vay trong khi thu nhập trong tương lai chưa chắc chắn. Trong khi đó nguồn vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội có ưu đãi về lãi suất tuy nhiên nguồn vốn này chưa đáp ứng nhu cầu của người dân. Vì vậy Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ lãi suất vay sản

xuất nông nghiệp đối với các ngân hàng thương mại để đáp ứng nhu cầu nguồn vốn của nông hộ.

*** Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng vốn vay**

Hiện nay nguồn vốn vay chủ yếu của các nông hộ trên địa bàn huyện Quảng Trạch là nguồn vốn của Ngân hàng chính sách. Mặc dù nguồn vốn này đã góp phần tích cực trong việc cải tiến sản xuất nhưng còn nhiều hộ sử dụng nguồn vốn sai mục đích, vì vậy các nguồn vốn ưu đãi này chưa thực hiện tốt chức năng của mình. Ngân hàng cần kiểm tra, giám sát chặt chẽ, những trường hợp nông hộ sử dụng sai mục đích thì phải thu hồi để phân bổ cho các nông hộ khác có nhu cầu chính đáng hơn.

*** Ưu tiên vốn để mở rộng sản xuất quy mô lớn**

Để kinh tế nông hộ có những nét bức phá mới thì đòi hỏi kinh tế hộ phải có sự thay đổi về cả chất và lượng. Song song với việc nâng cao chất lượng cây trồng, vật nuôi, cải tiến kỹ thuật nhằm tăng năng suất lao động, kinh tế hộ phải tập trung tích tụ đất đai để mở rộng sản xuất trên quy mô lớn. Để làm được điều này đòi hỏi Ủy ban nhân dân huyện phải chỉ đạo các cấp, các ngành cùng phối hợp thực hiện. Một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của mô hình này chính là sự đáp ứng nguồn vốn cho sản xuất. Vì vậy Nhà nước nên có các chính sách như cho các nông hộ vay vốn 100% nhu cầu để đầu tư trang trại, phối hợp với nông hộ xây dựng các dự án sản xuất mang lại hiệu quả cao bằng hình thức người nông dân góp công và góp đất, ngân hàng góp vốn để cùng tham gia sản xuất.

3.2.3. Giải pháp nâng cao trình độ sản xuất hộ nông dân

a. Giải pháp nâng cao trình độ người lao động

*** Nâng cao dân trí nông thôn**

Về cơ bản nước ta là một nước nông nghiệp, để đạt được những mục tiêu kinh tế đã đề ra, vấn đề đào tạo nâng cao dân trí nông thôn là

một vấn đề cấp thiết. Bằng mọi cách chúng ta phải xóa bỏ nạn mù chữ đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa. Thực tế cho thấy có nhiều người sản xuất giỏi nhưng trình độ văn hoá thấp đã làm hạn chế đến sản xuất và nuôi dạy con cái, ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của kinh tế nông thôn. Vì vậy, xóa nạn mù chữ, nâng cao dân trí nông thôn là một nhiệm vụ cấp bách cần đặt lên hàng đầu của các cấp, các ngành.

** Đào tạo, tập huấn kỹ thuật theo các mô hình sản xuất giỏi*

Phòng Nông nghiệp huyện cần phối hợp với các tổ chức, cơ sở để đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ năng xây dựng các mô hình kinh tế nông nghiệp tiên tiến, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Đồng thời phổ biến các ưu điểm, hiệu quả kinh tế vượt trội của các mô hình này đến các nông hộ, giúp các nông hộ lựa chọn cho mình mô hình sản xuất tốt, bao gồm những mô hình tiêu biểu sau: mô hình sản xuất tổng hợp, mô hình rau sạch, mô hình chăn nuôi gà thịt an toàn, mô hình nuôi lợn trên đệm lót sinh học, mô hình trang trại tổng hợp bền vững.

** Đẩy mạnh vai trò, nhiệm vụ của hội nông dân*

Hội Nông dân huyện Quảng Trạch phát cần huy vai trò tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, hội viên, nông dân trong huyện tinh thần tự lực tự cường, lao động sáng tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tổ chức học tập nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật và nghề nghiệp cho hội viên, nông dân. Vận động, tập hợp và làm nòng cốt cho các phong trào nông dân phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, xây dựng nông thôn mới, xây dựng gia đình nông dân văn hoá; Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của hội viên nông dân.

Hội thường xuyên sinh hoạt để trao đổi kinh nghiệm trong sản xuất, biểu dương, khen thưởng đối với các hộ có thành tích cao. Vận động đào nông dân vào tổ chức Hội, xây dựng tổ chức Hội vững mạnh đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

b. Giải pháp nâng cao trình độ của tư liệu sản xuất

**** Tổ chức Hội chợ giới thiệu tư liệu sản xuất nông nghiệp***

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của huyện cần phối hợp với phòng Công thương, liên hệ với các cơ quan chức năng tổ chức Hội chợ Nông nghiệp và Thương mại nhằm giới thiệu cho nông dân những tư liệu lao động sản xuất hiện đại, giảm bớt hao phí lao động trong sản xuất nông nghiệp và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Thông qua hội chợ này, các tổ chức, doanh nghiệp giới thiệu các sản phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp đến từ hợp tác xã; các hiệp hội ngành hàng, trang trại, cơ sở làng nghề; các cơ sở dịch vụ nông nghiệp. Từ đó, các nông hộ có thể lựa chọn cho mình những công cụ lao động mà máy móc thiết bị phù hợp với điều kiện thực tế.

Bên cạnh các hoạt động bày bán, giới thiệu sản phẩm cho sản xuất nông nghiệp, Hội chợ còn diễn ra hoạt động triển lãm bằng tranh, ảnh, bảng biểu, catalogue, tư liệu với các mô hình cụ thể, sinh động nhằm giới thiệu thành tựu, thế mạnh ngành nông nghiệp, nông thôn của các huyện trong tỉnh và các tỉnh, thành trong khu vực. Qua đó, các nông hộ có thể học hỏi, trao đổi kinh nghiệm cho nhau và đúc rút ra những bài học riêng cho hộ của mình.

**** Tổ chức cuộc thi sáng chế máy móc thiết bị nông nghiệp***

Hằng năm, Hội Nông dân của huyện cũng cần phối hợp với các cơ quan chức năng trên địa bàn huyện và tỉnh để tổ chức các cuộc thi sáng chế công cụ lao động và máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp. Xuất phát từ những trở ngại trong sản xuất với những kinh nghiệm thực tiễn trong cuộc sống, nhiều người dân đã tự sáng chế ra nhiều công cụ bổ ích cho nông nghiệp như máy quạt thóc, máy tách vỏ đậu... Nếu các phát minh của người dân được công nhận và biểu dương, khen thưởng thì sẽ là động lực lớn để mọi người dân phát huy

tính sáng tạo, tự chủ trong công việc của mình.

3.2.4. Giải pháp phát triển thị trường tiêu thụ

a. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn

Nhà nước cần đầu tư vào cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn, từ đó sẽ tác động đến sự tăng trưởng và phát triển kinh tế nhanh của khu vực nông thôn, tạo điều kiện cạnh tranh lành mạnh, tăng sức thu hút vốn đầu tư nước ngoài và sức huy động nguồn vốn trong nước vào thị trường nông nghiệp, nông thôn. Các cơ quan chức năng nên tiếp tục tích cực vận động người dân tham gia hiến đất để làm đường giao thông liên xã, liên huyện, xây dựng các tuyến đường bê tông rộng và chất lượng.

b. Tích tụ đất đai trong sản xuất nông nghiệp

Tính chất và sản lượng sản phẩm đầu ra định hướng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Vì vậy nhà nước cần hỗ trợ các địa phương thực hiện dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất nhằm hạn chế tình trạng sản xuất manh mún. Mặt khác, cần đẩy mạnh công tác quy hoạch hình thành vùng sản xuất hàng hoá nông sản tập trung để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thu mua, giảm chi phí trong lưu thông hàng hóa. Hướng dẫn bà con tập trung sản xuất những cây trồng vật nuôi có thị trường và năng suất cao, giá thành hạ để nâng cao sức cạnh tranh.

c. Gắn sản xuất nguyên liệu với công nghiệp chế biến

Thông qua ngành công nghiệp chế biến nông, lâm sản tạo khả năng mở rộng thị trường tiêu thụ, làm giảm sự phụ thuộc vào yếu tố không gian và thời gian đối với tiêu dùng các sản phẩm nông, lâm nghiệp. Sự phát triển của công nghiệp chế biến nông, lâm sản còn làm tăng nhu cầu về sản phẩm của nông, lâm nghiệp. Thông qua chế biến, từ một sản phẩm nông, lâm nghiệp có thể tạo ra nhiều loại sản phẩm có những giá trị sử dụng rất khác nhau, thậm chí tạo ra những

đặc tính mới, những giá trị sử dụng mới cho sản phẩm của nông nghiệp; từ đó nâng cao mức độ và khả năng đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

d. Tập trung phát triển kinh tế hàng hóa

Để xóa bỏ đặc trưng tự cung tự cấp của kinh tế hộ thì phải tập trung phát triển kinh tế hàng hóa. Khi sản phẩm sản xuất của nông hộ được trao đổi mua bán trên thị trường sẽ thúc đẩy quá trình sản xuất, nhất là những lĩnh vực có nhu cầu và lợi nhuận cao, từ đó là cho kinh tế hàng hóa càng phát triển.

đ. Đầu tư phát triển hệ thống chợ, siêu thị mini ở huyện

Muốn phát triển thị trường trong tỉnh, trong khu vực và thị trường xuất khẩu trước tiên phải làm tốt thị trường ở địa phương. Vì vậy vấn đề đầu tư phát triển hệ thống chợ, siêu thị cũng rất cần thiết để phát triển thị trường đầu ra của nông sản. Ủy ban nhân dân huyện cần khảo sát nhu cầu, sức mua cũng như địa thế tại các địa phương để xây dựng hệ thống chợ, trung tâm thương mại hợp lý nhằm phát triển kinh tế hàng hóa, góp phần quan trọng trong việc phát triển thị trường tiêu thụ của kinh tế hộ.

3.2.5. Giải pháp nâng cao thu nhập, đời sống, tích lũy của hộ nông dân

a. Khuyến khích mở rộng các làng nghề ở nông thôn

Nghề làm nón lá ở xã Quàng Thuận huyện Quảng Trạch đã có truyền thống từ bao đời nay góp phần giải quyết việc làm cho hàng nghìn người lao động trong xã. Ở những làng nón này, các cơ quan báo chí, đài truyền hình cần hỗ trợ cho họ trong việc giới thiệu, quảng bá sản phẩm ra thị trường từ đó nâng cao thương hiệu giúp cho các nông hộ có thể tiến tới thị trường xuất khẩu, nhất là những sản phẩm nón lá phục vụ cho khách tham quan, du lịch.

Đối với những vùng chưa phát triển làng nghề nhưng có tiềm năng như xã Quảng Phú có thể phát triển nghề làm muối, ... Những xã này Nhà nước cũng cần khuyến khích để các nông hộ mở rộng sản xuất nhằm làm tăng thêm thu nhập.

b. Kết hợp trồng trọt và chăn nuôi để nâng cao thu nhập

Nhiều nông hộ có ruộng đất ít cần kết hợp trồng trọt với chăn nuôi để đảm bảo ổn định cuộc sống và còn tăng thêm tích lũy. Như vậy các nông hộ cần hiểu rõ về tư liệu sản xuất của mình để có hướng đầu tư phát triển hợp lý. Nếu đất sản xuất không phù hợp để tiếp tục phát triển cây hằng năm thì các nông hộ nên thay đổi cơ cấu cây trồng, kết hợp với việc nâng cao đàn gia súc, gia cầm để phân phối thời gian hợp lý, tránh để thời gian nhàn rỗi, hiệu quả thấp kém.

c. Kết hợp nông - lâm để nâng cao thu nhập

Kết hợp nông - lâm là một phương thức sản xuất có khoa học, nó kết hợp một cách hài hoà giữa cây nông nghiệp và cây lâm nghiệp, sử dụng một cách đầy đủ nhất, hợp lý nhất để sản xuất ra nhiều sản phẩm mà không ảnh hưởng đến đất đai. Sự kết hợp này cũng góp phần tạo môi trường sinh thái bền vững, ít tốn chi phí mang lại hiệu quả kinh tế cao. Vì vậy cần khuyến khích các nông hộ nghiên cứu và phát triển các mô hình nông - lâm kết hợp nhằm làm tăng hiệu quả sản xuất của nông hộ. Mô hình này có 3 hệ canh tác chính đó là: Hệ canh tác nông - lâm kết hợp; Hệ canh tác lâm - nông kết hợp và Hệ canh tác súc - lâm kết hợp.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Quảng Trạch là một huyện lớn ở phía Bắc Quảng Bình, có thị trấn Ba Đồn đã được công nhận là đô thị loại IV, huyện có khu kinh tế Hòn La có tiềm năng để phát triển nhiệt điện, kinh tế cảng ... Những năm qua, tỉnh Quảng Bình cũng đã đầu tư nhiều cho huyện Quảng Trạch về ngành công nghiệp và nông nghiệp. Tuy nhiên hiện nay kinh tế ở đây cũng chưa phát triển, khu công nghiệp mọc lên trong lúc kinh tế trong nước và kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn nên lượng vốn đầu tư còn thừa thớt, ngành nông nghiệp chưa phát triển tương xứng với tiềm năng của vùng.

Qua đề tài này phần nào đã đánh giá được thực trạng kinh tế hộ ở Quảng Trạch nói chung và 3 xã Quảng Châu, Quảng Phú, Quảng Thuận nói riêng, từ đó đưa ra những giải pháp để góp phần phát triển kinh tế hộ trong thời gian đến.

2. Kiến nghị

Do giới hạn về mặt thời gian, cũng như hạn chế về mặt tiếp cận nên đề tài chỉ mới phân tích tổng thể một số vấn đề về phát triển quy mô, trình độ sản xuất và thu nhập, đời sống, tích lũy của các nông hộ thông qua số liệu thu thập từ phòng thống kê huyện Quảng Trạch và đi sâu phân tích cụ thể từ số liệu điều tra 163 hộ thuộc 3 xã Quảng Châu, Quảng Thuận, Quảng Phú.

Trong thời gian tới để hoàn thiện đề tài hơn có thể phát triển theo hướng tập trung điều tra tổng thể 33 xã của huyện Quảng Trạch để có thể đánh giá khách quan, chính xác về sự phát triển của kinh tế hộ.